

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công Thương địa phương;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định, hướng dẫn chế độ báo cáo thống kê, cơ sở dữ liệu và các mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.
- Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến quản lý, đầu tư và hoạt động của cụm công nghiệp.

Điều 3. Chế độ báo cáo thống kê về cụm công nghiệp

- Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo:

a) Sở Công Thương;

b) Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

d) Các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

2. Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ

a) Thời gian chốt số liệu báo cáo 6 tháng (đầu năm) được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo;

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ hàng năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

3. Chế độ báo cáo định kỳ:

a) Định kỳ trước ngày 20 tháng 6 và 20 tháng 12 hàng năm, các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong 6 tháng và cả năm theo Biểu số 1.1 Phụ lục I Thông tư này, gửi Cơ quan thống kê cấp huyện và sao gửi Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Định kỳ trước ngày 20 tháng 6 và 20 tháng 12 hàng năm, chủ đầu tư báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trong 6 tháng và cả năm theo Biểu số 1.2 Phụ lục I Thông tư này, gửi Cơ quan Thống kê cấp huyện và sao gửi Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Công Thương;

c) Định kỳ trước ngày 25 tháng 6 và 25 tháng 12 hàng năm, Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp trên địa bàn trong 6 tháng và cả năm theo Biểu số 1.3 Phụ lục I Thông tư này, gửi Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Định kỳ trước ngày 30 tháng 6 và 31 tháng 12 hàng năm, Sở Công Thương báo cáo tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp trên địa bàn trong 6 tháng và cả năm theo Biểu số 1.4 Phụ lục I Thông tư này, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Cục Công Thương địa phương (Bộ Công Thương).

4. Các đối tượng thực hiện chế độ báo cáo định kỳ bằng văn bản, hệ thống thư điện tử hoặc thông qua cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp (đối với Sở Công Thương, Phòng chuyên môn quản lý công thương

thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện). Ngoài ra, các đối tượng thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 4. Xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp

1. Cục Công Thương địa phương đầu mối, phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số tổ chức xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước; hướng dẫn Sở Công Thương cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước.

2. Sở Công Thương tổ chức xây dựng, vận hành và hướng dẫn Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh; có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước.

3. Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh.

Điều 5. Các mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp

Thông tư này quy định các mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp tại Phụ lục II kèm theo để các địa phương căn cứ áp dụng cho phù hợp thực tế, quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của Cục Công Thương địa phương

Cục Công Thương địa phương là cơ quan đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước về cụm công nghiệp trên phạm vi cả nước quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, Thông tư này; hướng dẫn, xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm quản lý cụm công nghiệp theo quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, Thông tư này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Chỉ đạo các Sở, ngành, đơn vị trên địa bàn trong chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi để Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm quản lý cụm công nghiệp theo quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và Thông tư này.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Công Thương

Sở Công Thương thực hiện quyền hạn, trách nhiệm quản lý cụm công nghiệp theo quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, Thông tư này, quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 9. Trách nhiệm của Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện là đơn vị giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, Thông tư này, quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng quy định tại văn bản mới./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ; Website Bộ CT;
- Lưu: VT, CTĐP(3), PC.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC BIỂU BÁO CÁO VỀ CỤM CÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Thông tư số /2024/TT-BCT ngày / /2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp)

Biểu số 1.1	Tình hình hoạt động của dự án đầu tư trong cụm công nghiệp
Biểu số 1.2	Tình hình hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp
Biểu số 1.3	Tổng hợp tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn cấp huyện
Biểu số 1.4	Tổng hợp tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh

Biểu số 1.1. Tình hình hoạt động của dự án đầu tư trong cụm công nghiệp

Đơn vị gửi báo cáo: Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp

Dự án/ngành nghề kinh doanh:

Đơn vị nhận báo cáo: Cơ quan Thống kê cấp huyện, Phòng chuyên môn quản lý công thương cấp huyện

Kỳ báo cáo: 6 tháng, năm

(Thời hạn gửi báo cáo: Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 20 tháng 6 hàng năm; Báo cáo năm gửi trước ngày 20 tháng 12 hàng năm)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Doanh thu của dự án trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
2	Số nộp Ngân sách nhà nước của dự án trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
3	Lao động đang làm việc thường xuyên tại dự án trong kỳ báo cáo	Người		
4	Thu nhập bình quân người lao động của dự án trong kỳ báo cáo	Triệu đồng/người/tháng		

..., ngày ... tháng ... năm ...
Người đại diện theo pháp luật
(Chữ ký, dấu)

Biểu số 1.2. Tình hình hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

Đơn vị gửi báo cáo: Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

Đơn vị nhận báo cáo: Cơ quan Thống kê cấp huyện, Phòng chuyên môn quản lý công thương cấp huyện, Sở Công Thương

Kỳ báo cáo: 6 tháng, năm

(Thời hạn gửi báo cáo: Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 20 tháng 6 hàng năm; Báo cáo năm gửi trước ngày 20 tháng 12 hàng năm)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng mức đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo dự án đã được duyệt	Tỷ đồng		
2	Tổng vốn đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật	Tỷ đồng		
3	Diện tích đất công nghiệp của dự án đã xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đủ điều kiện cho thuê)	ha		
4	Diện tích đất công nghiệp dự án đã cho thuê	ha		
5	Số dự án/doanh nghiệp đã thuê đất hoạt động trong cụm công nghiệp (5.1+5.2)	Dự án/doanh nghiệp		
5.1	Số dự án/doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Dự án/doanh nghiệp		
5.2	Số dự án/doanh nghiệp khác	Dự án/doanh nghiệp		
6	Doanh thu của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
7	Số nộp Ngân sách nhà nước của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
8	Lao động làm việc thường xuyên tại dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật	Người		
9	Thu nhập bình quân người lao động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong kỳ báo cáo	Triệu đồng/người/tháng		
10	Cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (có ghi 1, không có ghi 0)	Công trình		

..., ngày ... tháng ... năm...
Người đại diện theo pháp luật
(Chữ ký, dấu)

Biểu số 1.3. Tổng hợp tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn cấp huyện**Đơn vị gửi báo cáo:** Phòng chuyên môn quản lý công thương cấp huyện**Đơn vị nhận báo cáo:** Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện**Kỳ báo cáo:** 6 tháng, năm.*(Thời hạn gửi báo cáo: Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 25 tháng 6 hàng năm;
Báo cáo năm gửi trước ngày 25 tháng 12 hàng năm)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Ghi chú
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
I	Phương án phát triển cụm công nghiệp			
1	Số lượng cụm công nghiệp theo phương án phát triển cụm công nghiệp	Cụm		
2	Tổng diện tích cụm công nghiệp theo phương án phát triển cụm công nghiệp	ha		
II	Thành lập, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp			
3	Tổng số lượng cụm công nghiệp đã thành lập	Cụm		
4	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã thành lập	ha		
5	Số lượng cụm công nghiệp thành lập trong kỳ báo cáo	Cụm		
6	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã thành lập trong kỳ báo cáo	Cụm		
7	Số lượng cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
8	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng	ha		
9	Số lượng cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết	Cụm		
10	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết	ha		
11	Số lượng cụm công nghiệp đã được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng	Cụm		
12	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng	ha		
13	Tổng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các cụm công nghiệp (tính theo dự án được phê duyệt)	Tỷ đồng		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
14	Tổng vốn đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các cụm công nghiệp	Tỷ đồng		
III	Hoạt động của các cụm công nghiệp			
15	Số lượng cụm công nghiệp hoạt động (đã có dự án/doanh nghiệp đầu tư trong cụm): (15.1+15.2)	Cụm		
15.1	Số cụm công nghiệp đã thành lập	Cụm		
15.2	Số cụm công nghiệp chưa thành lập	Cụm		
15.3	Số cụm công nghiệp làng nghề	Cụm		
15.4	Số cụm công nghiệp chuyên ngành	Cụm		
16	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã hoạt động (16.1+16.2)	ha		
16.1	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã thành lập	ha		
16.2	Tổng diện tích các cụm công nghiệp chưa thành lập	ha		
16.3	Tổng diện tích các cụm công nghiệp làng nghề	ha		
16.4	Tổng diện tích các cụm chuyên ngành	ha		
17	Tổng diện tích đất công nghiệp của các cụm công nghiệp đã hoạt động (tính theo quy hoạch chi tiết đã được duyệt)	ha		
18	Tổng diện tích đất công nghiệp đã cho thuê tại các cụm công nghiệp	ha		
19	Tỷ lệ lấp đầy bình quân của các cụm công nghiệp đi vào hoạt động	%		
20	Tổng số dự án/doanh nghiệp đầu tư trong các cụm công nghiệp (20.1+20.2)	Dự án/doanh nghiệp		
20.1	Số dự án/doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Dự án/doanh nghiệp		
20.2	Số dự án/doanh nghiệp khác	Dự án/doanh nghiệp		
21	Tổng doanh thu của các dự án/doanh nghiệp trong các cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
22	Nộp ngân sách nhà nước của các dự án/doanh nghiệp trong các cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Ghi chú
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
23	Tổng số người lao động làm việc trong các cụm công nghiệp	Người		
24	Số cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Cụm		

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Trưởng phòng chuyên môn quản lý
công thương cấp huyện**
(Chữ ký, dấu)

Biểu số 1.4. Tổng hợp tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh**Đơn vị gửi báo cáo:** Sở Công Thương**Đơn vị nhận báo cáo:** Cục Công Thương địa phương - Bộ Công Thương; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**Kỳ báo cáo:** 6 tháng, năm.*(Thời hạn gửi báo cáo: Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 30 tháng 6 hàng năm; Báo cáo năm gửi trước ngày 31 tháng 12 hàng năm)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng <i>(lưu ý kể đến thời điểm báo cáo)</i>	Ghi chú
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
I	Phương án phát triển cụm công nghiệp			
1	Số lượng cụm công nghiệp theo phương án phát triển cụm công nghiệp	Cụm		
2	Tổng diện tích cụm công nghiệp theo phương án phát triển cụm công nghiệp	ha		
II	Thành lập, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp			
3	Số lượng cụm công nghiệp đã thành lập	Cụm		
4	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã thành lập	ha		
5	Số lượng cụm công nghiệp thành lập trong kỳ báo cáo	Cụm		
6	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã thành lập trong kỳ báo cáo	Cụm		
7	Tổng số lượng cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
8	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng	ha		
9	Số lượng cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết	Cụm		
10	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết	ha		
11	Số lượng cụm công nghiệp đã được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng	Cụm		
12	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng	ha		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng <i>(lưu ý kể đến thời điểm báo cáo)</i>	Ghi chú
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
13	Tổng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các cụm công nghiệp (tính theo dự án được phê duyệt)	Tỷ đồng		
14	Tổng vốn đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các cụm công nghiệp	Tỷ đồng		
III	Hoạt động của các cụm công nghiệp			
15	Số lượng cụm công nghiệp hoạt động (đã có dự án/doanh nghiệp đầu tư trong cụm): (15.1+15.2)	Cụm		
15.1	Số cụm công nghiệp đã thành lập	Cụm		
15.2	Số cụm công nghiệp chưa thành lập	Cụm		
15.3	Số cụm công nghiệp làng nghề	Cụm		
15.4	Số cụm công nghiệp chuyên ngành	Cụm		
16	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã hoạt động (16.1+16.2)	ha		
16.1	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã thành lập	ha		
16.2	Tổng diện tích các cụm công nghiệp chưa thành lập	ha		
16.3	Tổng diện tích các cụm công nghiệp làng nghề	ha		
16.4	Tổng diện tích các cụm chuyên ngành	ha		
17	Tổng diện tích đất công nghiệp của các cụm công nghiệp đã hoạt động (tính theo quy hoạch chi tiết đã được duyệt)	ha		
18	Tổng diện tích đất công nghiệp đã cho thuê tại các cụm công nghiệp	ha		
19	Tỷ lệ lấp đầy bình quân của các cụm công nghiệp đã hoạt động	%		
20	Tổng số dự án/doanh nghiệp đầu tư trong các cụm công nghiệp (20.1+20.2)	Dự án/doanh nghiệp		
20.1	Số dự án/doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Dự án/doanh nghiệp		
20.2	Số dự án/doanh nghiệp khác	Dự án/doanh nghiệp		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng <i>(lưu ý kể đến thời điểm báo cáo)</i>	Ghi chú
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
21	Tổng doanh thu của các dự án/doanh nghiệp trong các cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
22	Tổng số người lao động làm việc trong các cụm công nghiệp	Người		
23	Nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong các cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
24	Số cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Cụm		

..., ngày ... tháng ... năm ...
Giám đốc Sở Công Thương
(Chữ ký, dấu)

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC MẪU VĂN BẢN VỀ QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Thông tư số /2024/TT-BCT ngày / /2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp)

Mẫu số 2.1	Văn bản đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp
Mẫu số 2.2	Tờ trình về việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp
Mẫu số 2.3	Báo cáo thẩm định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp
Mẫu số 2.4	Quyết định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp
Mẫu số 2.5	Một số nội dung của Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh
Mẫu số 2.6	Một số nội dung của Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp ...

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi có cụm công nghiệp).

...(Tên đơn vị)... đề nghị làm chủ đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp ... với các thông tin chính như sau:

I. Thông tin đơn vị đăng ký làm chủ đầu tư

1. Tên đơn vị:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:; Fax:; Email:
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: do cấp ngày
5. Ngành nghề kinh doanh chính:
6. Người đại diện theo pháp luật: Chức danh:
7. Nội dung khác liên quan (nếu có).

II. Thông tin dự án đăng ký làm chủ đầu tư

1. Tên dự án:
2. Địa chỉ dự án:
3. Tổng mức đầu tư tạm tính của dự án:
4. Tiến độ đầu tư:
5. Nội dung khác liên quan (nếu có).

III. Cam kết của đơn vị đăng ký làm chủ đầu tư

Đơn vị cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung đơn đăng ký này và chịu mọi chi phí, rủi ro nếu không được chấp thuận.

IV. Hồ sơ kèm theo

- Báo cáo đầu tư thành lập/mở rộng cụm công nghiệp (nội dung chủ yếu quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP); bản đồ xác định vị trí, ranh giới của cụm công nghiệp;
- Các văn bản, tài liệu quy định tại các điểm c, d, đ khoản 1 Điều 9 Nghị

định số 32/2024/NĐ-CP;

- Văn bản, tài liệu liên quan khác (nếu có)/.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...

- Lưu:

....., ngày ... tháng ... năm

**Người đại diện theo pháp luật của đơn
vị đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ
tầng kỹ thuật cụm công nghiệp**
(Chữ ký, dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP HUYỆN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /TTr-UBND

....., ngày ... tháng ... năm

TỜ TRÌNH

Về việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân ...(cấp tỉnh)...

Căn cứ

Theo đề nghị của, Ủy ban nhân dân ...(cấp huyện)... trình Ủy ban nhân dân ...(cấp tỉnh)... việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp ... với các nội dung sau:

1. Sự cần thiết thành lập/mở rộng cụm công nghiệp

2. Giải trình đáp ứng các điều kiện thành lập/mở rộng cụm công nghiệp

3. Đề nghị thành lập/mở rộng cụm công nghiệp với các nội dung chính (tên gọi, diện tích, địa điểm, ngành nghề hoạt động chủ yếu, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, quy mô đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dự kiến tổng mức vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư, tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, ...).

4. Đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có)

5. Nội dung khác (nếu có)

6. Hồ sơ kèm theo:

- Các văn bản, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP;

- Văn bản, tài liệu liên quan khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Công Thương ...;
-
- Lưu: VT,....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
(Chữ ký, dấu)

UBND CẤP TỈNH
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp...

I. Căn cứ thẩm định

- Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;
- Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh/thành phố ... thời kỳ ...;
- Quyết định ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh;
- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện kèm theo hồ sơ thành lập/mở rộng cụm công nghiệp; kết quả đánh giá lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; ý kiến của các Sở, ngành có liên quan về việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp,...

II. Tóm tắt nội dung đề nghị thành lập/mở rộng cụm công nghiệp (*tên gọi, diện tích, địa điểm, ngành nghề hoạt động chủ yếu, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, quy mô đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dự kiến tổng mức vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư, tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, thời gian hoạt động của dự án, các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng,...*).

III. Kết quả thẩm định

1. Tóm tắt ý kiến thẩm định của các sở, ngành
2. Ý kiến thẩm định của Sở Công Thương

(*Nội dung thẩm định quy định tại Điều 11 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP*)

IV. Một số nội dung còn có ý kiến khác nhau (*nếu có*)

V. Đề xuất/kiến nghị

Nơi nhận:

- ...
- Lưu:...

GIÁM ĐỐC
(*Chữ ký, dấu*)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp ...

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh/thành phố ... thời kỳ ...;

Xét đề nghị của Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư... và của Sở Công Thương....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp với các nội dung chủ yếu sau (*tên cụm công nghiệp; diện tích; địa điểm; ngành nghề hoạt động chủ yếu; chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; quy mô đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dự kiến tổng mức vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư; tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; ...*).

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, cơ quan có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

Điều 4. Thời điểm có hiệu lực của Quyết định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp và các nội dung khác liên quan./.

Nơi nhận:

-
- Bộ Công Thương (để b/c);
- ...
- Lưu:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
(Chữ ký, dấu)

MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA QUY CHẾ QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

I. QUY ĐỊNH CHUNG

- Phạm vi điều chỉnh
- Đối tượng áp dụng
- Nguyên tắc và phương thức phối hợp

II. NỘI DUNG QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

(Nội dung cụ thể; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp

(Nội dung, hồ sơ, trình tự thực hiện; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

3. Điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp

(Nội dung, hồ sơ, trình tự thực hiện; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

4. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; xử lý thành lập cụm công nghiệp có trong Phương án phát triển cụm công nghiệp hình thành trước Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg

(Nội dung, hồ sơ, trình tự thực hiện; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, điều chỉnh; bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; xử lý thành lập cụm công nghiệp...)

5. Các thủ tục đầu tư khác (nếu có)

6. Lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp

(Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch chi tiết; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

7. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp

(Nội dung, hồ sơ, trình tự thực hiện; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

8. Thực hiện các thủ tục về môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

(Nội dung, hồ sơ, trình tự thực hiện; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

9. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

(Nội dung cụ thể; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

10. Tiếp nhận và thực hiện các thủ tục về đầu tư đối với các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp

(Quy định các nội dung, thủ tục cụ thể để doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư vào cụm công nghiệp như: Quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thu hồi đất, cho thuê đất nếu có, cấp giấy phép xây dựng, chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy, các thủ tục về môi trường,...; trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các cơ quan liên quan)

11. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

(Cụ thể các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp; trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, trách nhiệm của các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và các cơ quan liên quan)

12. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác thông tin báo cáo

(Các nội dung về hoạt động sản xuất kinh doanh cần quản lý; công tác thông tin báo cáo; trách nhiệm của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các cơ quan liên quan)

13. Công tác thanh tra, kiểm tra

(Nội dung cụ thể; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Khen thưởng, xử lý vi phạm
- Trách nhiệm thi hành
- Tổ chức thực hiện

**Tên chủ đầu tư xây dựng
hạ tầng kỹ thuật cụm
công nghiệp**

Số: ... /QĐ-...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích
trong cụm công nghiệp**

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số /2024/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 20... của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thành lập cụm công nghiệp....;

Theo đề nghị của ...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp ...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các đơn vị, doanh nghiệp trong cụm công nghiệp ... và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Công Thương (để b/c);
- UBND cấp huyện (để b/c);
-
- Lưu: VT,...

Người đại diện theo pháp luật
(Chữ ký, dấu)

Tên chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp
(Ban hành kèm theo Quyết định số ... ngày... /.../20 ... của ...)

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

Chương 2

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG VÀ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 4. Quyền của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

(Quy định các quyền cụ thể nhưng phải phù hợp Điều 18 của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và quy định của pháp luật)

Điều 5. Nghĩa vụ của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

(Quy định các nghĩa vụ cụ thể nhưng phải phù hợp Điều 19 của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và quy định của pháp luật)

Điều 6. Quyền của tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp

(Quy định các quyền cụ thể nhưng phải phù hợp Điều 22 của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và quy định của pháp luật)

Điều 7. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp

(Quy định các nghĩa vụ cụ thể nhưng phải phù hợp Điều 23 của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và quy định của pháp luật).

Chương 3

QUY ĐỊNH VỀ CUNG CẤP, SỬ DỤNG CÁC DỊCH VỤ CÔNG CỘNG, TIỆN ÍCH TRONG CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 8. Bảo vệ, an ninh trật tự

(Nội dung cụ thể; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và của cán bộ, công nhân, khách ra vào cụm công nghiệp)

Điều 9. Hệ thống thông tin liên lạc

(Nội dung cụ thể; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp)

Điều 10. Cấp nước sạch

(Nội dung cụ thể; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp)

Điều 11. Bảo vệ môi trường

(Nội dung cụ thể như: Thoát nước, vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, chất thải, trồng và chăm sóc cây xanh, ...; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp)

Điều 12. Công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

(Nội dung cụ thể; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm và của tổ chức, cá nhân liên quan)

Điều 13. Cung cấp điện

(Nội dung cụ thể; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp)

Điều 14. Duy tu, bảo dưỡng, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

(Nội dung cụ thể; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp)

Điều 15. Các dịch vụ khác

(Các dịch vụ cụ thể như: nhà ở công nhân, nhà chuyên gia, cung cấp bữa ăn công nghiệp, xe đưa đón công nhân, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ sửa chữa điện, nước, công trình công cộng, thủ tục khai báo xuất nhập khẩu hàng hóa, kho ngoại quan, đào tạo và cung ứng lao động kỹ thuật, ...; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và của tổ chức, cá nhân liên quan)

Chương 4

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Xử lý vi phạm

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Người đại diện theo pháp luật

(Chữ ký, dấu)